

PHẦN I (tiếp theo)
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

1. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
1	1.005462.000.00.00.H20	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày	Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến cơ quan quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Không	Điều 3, Điều 33 đến 39, Điều 51 Luật TNBTCNN năm 2017; Điều 22 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước; Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp về ban hành biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước	- Trực tiếp; - Qua BCCI;	Trực tiếp
2	2.002190.000.00.00.H20	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	115 ngày làm việc	-Người yêu cầu bồi thường có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan giải quyết bồi thường hoặc qua hệ thống bưu chính. -Người yêu	Không	Điều 3, 7, 33 đến 39, Điều 51 Luật TNBTCNN năm 2017; Điều 13, 14 Nghị định số 68/2018 /NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước; Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp về ban hành biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước	- Trực tiếp; - Qua BCCI;	Trực tiếp

				cầu bồi thường nhận quyết định giải quyết bồi thường ngay tại buổi thương lượng.				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
1	2.000528.000.00.00.H20	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	01 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	50.000 đ/trường hợp Miễn thu lệ phí đối với: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều	-Điều 7, 9, 35, 36 Luật Hộ tịch năm 2014; -Điều 2, 3, 5, 9, 29, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; -Điều 2, 3, 6, 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ- HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

					kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, có hiệu lực từ ngày 01/9/2021.		
2	2.000806.000.00.00.H20	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	<p>1.000.000 đ/trường hợp Miễn thu lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> -Điều 7, 9, 10, 37, 38 Luật Hộ tịch năm 2014; -Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; -Điều 2, 3, 10, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; -Điều 2, 3, 11 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, có hiệu lực từ ngày 01/9/2021 	- Trực tiếp;	- Trực tiếp;
3	1.001695.000.00.00.H20	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	<p>1.000.000 đ/trường hợp</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Điều 90, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; -Điều 7, 43, 44 Luật Hộ tịch năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua

		yếu tố nước ngoài		quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Miễn thu lệ phí đối với: -Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	2014; -Điều 2, 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; -Điều 2, 3, 4, 14, 15, 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; -Khoản 3; Điều a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3	BCCI;
4	1.001695.000.00.00.H20	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Đăng ký khai sinh: 50.000 đồng; Nhận cha, mẹ, con: 1.000.000 đồng Miễn thu lệ phí đối với: -Đăng ký hộ	-Điều 90, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; -Điều 7, 35, 36, 43, 44 Luật Hộ tịch năm 2014; -Điều 2, 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

					<p>tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p> <p>- Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>-Điều 2, 3, 14, 15, 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp</p>		
5	1.001766.000.00.00.H20	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	01 ngày làm việc trong trường hợp đầy đủ hồ sơ, 03 ngày làm việc trong trường hợp xác minh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	<p>50.000 đ/trường hợp Miễn thu lệ phí đối với:</p> <p>- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<p>-Điều 7, 9, 51, 52 Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>-Điều 2, 3, 5 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>-Điều 2, 3, 4, 13 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 		
6	2.000748.000.00.00.H20	<p>Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc</p>	<p>03 ngày làm việc trong trường hợp đầy đủ hồ sơ; 06 ngày làm việc trong trường hợp xác minh</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước: 25.000 đồng/trường hợp. - Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài: 50.000 đồng/trường hợp. - Xác định lại dân tộc: 25.000 đồng/trường 	<ul style="list-style-type: none"> -Điều 27, 28 Bộ luật Dân sự năm 2015; -Điều 7, 9, 45, 46, 47 Luật Hộ tịch năm 2014; -Điều 2, 3, 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; -Điều 2, 3, 17, 18, 19, 20 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

					<p>hợp.</p> <p>Miễn thu lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. - Khi có sai sót về thông tin do lỗi của cơ quan quản lý. 	<p>đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp</p>		
7	2.002189.000.00.00.H20	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp	<p>50.000 đ/trường hợp</p> <p>Miễn thu lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký hộ 	<p>-Điều 7, 9, 48, 50 Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>-Điều 2, 3, 34, 35, 36 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

		giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		huyện.	<p>tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p> <p>- Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>-Điều 2, 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.</p>	DVC mức 3	
8	2.000554.000.00.00.H20	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	<p>50.000 đ/trường hợp</p> <p>Miễn thu lệ phí đối với:</p> <p>- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<p>-Điều 7, 9, 48, 50 Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>-Điều 2, 3, 37, 38, 39 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>-Điều 2, 3 và khoản 2 Điều 22 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p> <p>- Hoặc qua DVC mức 3</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p>

					<p>- Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp</p>		
9	2.000547.000.00.00.H20	<p>Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch)</p>	01 ngày làm việc	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	<p>50.000 đ/trường hợp</p> <p>Miễn thu lệ phí đối với:</p> <p>- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p> <p>- Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện</p>	<p>-Điều 7, 9, 48, 49 Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>-Điều 2, 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>-Điều 2, 3 và khoản 1 Điều 22 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p> <p>- Hoặc qua DVC mức 3</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p>

					kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		
10	2.000522.000.00.00.H20	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp xác minh thời gian là 20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	<p>50.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn thu lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<p>quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp</p> <p>-Điều 7, 9 Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>-Điều 2, 3, 40, 41,42 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>-Điều 2, 3, 4, 5, 9, 10 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;
11	1.000893.000.00.00.H20	Đăng ký khai sinh có	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận	50.000 đ/trường hợp	-Điều 7, 9 Luật Hộ tịch năm 2014;	- Trực tiếp;	- Trực tiếp; - Hoặc qua

		yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	nếu thông tin khai sinh đầy đủ; không quá 25 ngày nếu phải có văn bản xác minh	và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Miễn thu lệ phí đối với: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	-Điều 2, 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; -Điều 2, 3, 4, 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	- Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3	BCCI;
12	2.000513.000.00.00.H20	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc nếu việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp huyện là nơi đã đăng ký kết hôn trước đây;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	1.000.000 đồng/trường hợp Miễn thu lệ phí đối với: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ	Điều 7 Luật hộ tịch năm 2014; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2, 3, 40, 41, 42 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; Điều 2, 3, 4, 5 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày	Trực tiếp	Trực tiếp

			không quá 25 ngày trong trường hợp việc đăng ký kết hôn trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp		nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		
13	2.000497.000.00.00.H20	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc nếu thông tin khai tử đầy đủ và phù hợp; 10 ngày làm việc trong trường hợp phải tiến hành xác minh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	50.000 đồng/trường hợp Miễn thu lệ phí đối với: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở	Điều 7, 9 Luật hộ tịch năm 2014; Điều 2, 3, 40, 41, 42 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; Điều 2, 3, 4, 5 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

					các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.			
14	2.000635.000.00.00.H20	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	01 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 57, 62, 63 Luật Hộ tịch năm 2014; - Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Điều 2, 3, 23 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3,4. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

						<p>thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc trung ương;</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p>		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
1	2.002363.000.00.00.H20	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	01 ngày làm việc, trường hợp xác minh 03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện	50.000 đồng/trường hợp. Miễn thu lệ phí đối với: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho trẻ	<p>-Điều 7, 9, 48, 49 Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>-Điều 2, 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>-Điều 30 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi,</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua BCCI;</p>

					<p>em, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>-Điều 2, 3, 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p>		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

						- Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, có hiệu lực từ ngày 01/9/2021.		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

IV. LĨNH VỰC GIÁM HỘ

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
01	1.001669.000.00.00.H20	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với giám hộ đương nhiên	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	50.000 đ/trường hợp Miễn thu lệ phí đối với: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, đồng bào dân	- Điều 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54 Bộ Luật dân sự năm 2015; -Điều 7, 9, 39, 40, 41, 42 Luật Hộ tịch năm 2014; -Điều 2, 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; -Điều 2, 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

					tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		
02	2.000756.000.00.00.H20	Đăng ký chấm dứt giám hộ trong nước có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	50.000 đồng/trường hợp Miễn thu lệ phí đối với: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Điều 62, 63 Bộ luật dân sự năm 2015; - Điều 7, 9, 19, 22 Luật Hộ tịch năm 2014; - Điều 2, 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Điều 2, 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Khoản 3; Điểm a, c Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;

V. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
01	2.000908.000.00.00.H20	Cấp bản sao từ sổ gốc	01 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Điều 5, 7, 16, 17 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI; - Hoặc qua DVC mức 3,4.	- Trực tiếp; - Hoặc qua BCCI;
02	2.000815.000.00.00.H20	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	01 ngày làm việc đối với chứng thực từ 01 bản chính, nội dung giấy tờ, văn bản dễ kiểm tra; 02 ngày làm việc đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	2.000 đ/trang; Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đ/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính	- Điều 5, 7, 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 10, 11 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	- Trực tiếp;	Trực tiếp

			nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra			quản lý và sử dụng phí chứng thực.		
03	2.000843.000.00.00.H20	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	01 ngày làm việc đối với chứng thực từ 01 bản chính, nội dung giấy tờ, văn bản dễ kiểm tra; 02 ngày làm việc đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	2.000 đ/trang; Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đ/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đ/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<p>quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> <p>- Điều 5, 7, 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 6, 10, 11 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>	- Trực tiếp; - Hoặc qua DVC mức 3	Trực tiếp

			nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra					
04	2.000884.000.00.00.H20	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Ngoài trụ sở của UBND cấp xã nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện giả yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác. 	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, 7, 23, 24, 25, 26 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 5, 12, 13, 14, 15 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. 	Trực tiếp	Trực tiếp

05	2.001035.000.00.00.H20	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	50.000 đ/hợp đồng, giao dịch; Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản	-Điều 7, 9, 51, 52 Luật Hộ tịch năm 2014; -Điều 2, 3, 5 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; -Điều 2, 3, 4, 13 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; -Khoản 2; Điểm a, c Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 102/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Trực tiếp	Trực tiếp
06	2.000913.000.00.00.H20	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	01 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	30.000 đ/hợp đồng, giao dịch	- Điều 7, 38 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết	Trực tiếp	Trực tiếp

						<p>và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>		
07	2.000927.000.00.00.H20	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	01 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	25.000 đ/hợp đồng, giao dịch.	<p>- Điều 7, 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua DVC mức 3</p>	Trực tiếp
08	2.000942.000.00.00.H20	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng	01 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	2.000 đ/trang; Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đ/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đ/bản. Trang là căn cứ	<p>- Điều 7, 40 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Hoặc qua DVC mức 3</p>	Trực tiếp

		thực			để thu phí được tính theo trang của bản chính	11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.		
09	2.001050.000.00.00.H20	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	50.000 đ/văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 7, 34, 35, 36, 37 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 20, 21, 22 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. 	Trực tiếp	Trực tiếp
10	2.001009.000.00.00.H20	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	50.000 đ/văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, 7, 9, 34, 35, 36, 37 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Điều 20, 21, 22 Thông tư số 	Trực tiếp	Trực tiếp

						<p>01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>		
11	2.000992.000.00.00.H20	<p>Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp</p>	01 ngày làm việc	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	10.000 đ/văn bản.	<p>- Điều 5, 7, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 5, 6, 16, 18, 19 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy</p>	<p>- Trực tiếp; - Hoặc qua DVC mức 3</p>	Trực tiếp

						định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.		
12	2.001008.000.00.00.H20	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	01 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	10.000 đ/văn bản.	<p>- Điều 5, 7, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 5, 6, 16, 17 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>	Trực tiếp	Trực tiếp

VI. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu)	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ

			giải quyết		<i>có)</i>			
01	2.000979.000.00.00.H20	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không quy định.	Điều 9 Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; Điều 13, 16, 17, 18 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.	- Trực tiếp; - Hoặc qua DVC mức 3	Trực tiếp